

NGHE CHÉP CHÍNH TẢ

DAY 2

- Lần 1: Nghe 1 lượt và chọn đáp án.
- Lần 2: Nghe và chép hết những phần đã nghe.
- Lần 3: Check đáp án
- Lần 4: Nghe, **nhại lại** và **ghi âm** từng câu.



- A.
- B.
- C.
- D.

Từ vựng:

Hang up: (v) treo lên

Be stacked: (v) được xếp chồng lên nhau

A cart: (n) xe đẩy

Push: (v) đẩy



- A.
- B.
- C.
- D.

Từ vựng:

Pay for sth: (v) thanh toán cái gì

A meal: (n) bữa ăn

Washing dishes: (v) rửa chén

A refrigerator: (n) tủ lạnh

large: (adj) lớn

a cooking pot: (n) nồi nấu ăn

a counter: (n) quầy



A.

B.

C.

D.

Từ vựng:

Runner: (n) vận động viên

Line up: (v) xếp hàng

Race: (n) cuộc đua

Cheer: (v) cổ vũ

An athletic field: (n) sân thể thao

A lawn mower: (n) máy cắt

Grass: (n) cỏ